**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC HELIOS**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
# QUÝ 3 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC HELIOS

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC HELIOS
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC HELIOS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC HELIOS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5500512492
Reason: I am the author of this document
Date: 2026.10.30 20:10:26+07'00'

**Tp. Hà Nội, tháng 10 năm 2026**

# MỤC LỤC

| | TRANG |
|---|---|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG | 3 – 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 7 - 23 |

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Helios (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo cho Quý 3 năm 2026 của Công ty.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---|---|---|---|
| (Ông) Phạm Giang Hoàng Vũ | Chủ tịch HĐQT | Ngày 06/02/2026 | Ngày 18/09/2026 |
| | Thành viên HĐQT | Ngày 18/09/2026 | |
| (Ông) Lê Văn Đức | Chủ tịch HĐQT | Ngày 17/01/2023 | Ngày 30/06/2026 |
| (Ông) Lê Cao Minh | Thành viên HĐQT | Ngày 30/06/2026 | |
| Tiến sĩ Lê Đường Anh Duy | Thành viên HĐQT | Ngày 18/09/2026 | |
| Phó Giáo sư – Tiến sĩ Phan Phương Loan | Chủ tịch HĐQT | Ngày 18/09/2026 | |
| Tiến sĩ Nguyễn Hữu Thanh | Thành viên HĐQT | Ngày 18/09/2026 | |
| (Ông) Kunwar Pramod Singh | Thành viên HĐQT | Ngày 15/08/2025 | Ngày 30/06/2026 |
| (Ông) Phạm Văn Luận | Thành viên HĐQT | Ngày 15/08/2025 | Ngày 18/09/2026 |
| (Ông) Đỗ Hoàng Anh | Thành viên HĐQT | Ngày 30/06/2026 | Ngày 18/09/2026 |
| (Ông) Trần Đăng Khoa | Thành viên HĐQT | Ngày 30/06/2026 | Ngày 18/09/2026 |
| Thạc sĩ Nguyễn Thái Hòa | Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập | Ngày 18/09/2026 | |
| Thạc sĩ Lê Nhật Quang | Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập | Ngày 18/09/2026 | |
| (Ông) Lê Anh Tuấn | Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập | Ngày 25/03/2021 | Ngày 30/06/2026 |
| (Ông) Hồ Công Danh | Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập | Ngày 15/08/2025 | Ngày 30/06/2026 |
| (Bà) Trần Thị Thu Hải | Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập | Ngày 30/06/2026 | Ngày 18/09/2026 |
| (Ông) Nguyễn Khánh Tùng | Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập | Ngày 30/06/2026 | Ngày 18/09/2026 |

**Ban Kiểm soát**

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---|---|---|---|
| (Ông) Dương Quân Anh | Trưởng Ban kiểm soát | | Ngày 06/02/2026 |
| (Ông) Đặng Quốc Hưng | Thành viên Ban kiểm soát | | Ngày 06/02/2026 |
| (Bà) Bùi Phương Anh | Thành viên Ban kiểm soát | | Ngày 06/02/2026 |

**Ủy ban Kiểm toán**

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---|---|---|---|
| (Ông) Nguyễn Khánh Tùng | Thành viên | Ngày 07/02/2026 | |
| | Chủ tịch UBKT | Ngày 01/07/2026 | Ngày 18/09/2026 |
| (Ông) Phạm Giang Hoàng Vũ | Chủ tịch UBKT | Ngày 07/02/2026 | Ngày 01/07/2026 |
| (Bà) Trần Thị Thu Hải | Thành viên | Ngày 01/07/2026 | Ngày 18/09/2026 |
| Thạc sỹ Lê Nhật Quang | Chủ tịch UBKT | Ngày 18/09/2026 | |
| Thạc sỹ Nguyễn Thái Hòa | Thành viên | Ngày 18/09/2026 | |

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---|---|---|---|
| (Ông) Tưởng Phi Lai | Tổng Giám đốc | Ngày 07/09/2026 | Ngày 27/10/2026 |
| (Ông) Phạm Văn Luận | Tổng Giám đốc | Ngày 12/08/2025 | Ngày 07/09/2026 |
| | | Ngày 27/10/2026 | |
| (Ông) Phan Giang Châu | Kế toán trưởng | Ngày 12/08/2025 | Ngày 27/10/2026 |
| (Ông) Phạm Văn Hiệp | Kế toán trưởng | Ngày 27/10/2026 | |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

*Người đại diện pháp luật*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---|---|---|---|
| (Ông) Tưởng Phi Lai | Tổng Giám đốc | Ngày 07/09/2026 | Ngày 27/10/2026 |
| (Ông) Phạm Văn Luận | Tổng Giám đốc | Ngày 12/08/2025<br>Ngày 27/10/2026 | Ngày 07/09/2026 |

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho Quý 3 năm 2026. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC HELIOS
HELIOS
M.S.D.N:5500512492

**Phạm Văn Luận**
**Tổng Giám đốc**
*Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026*

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm (Trình bày lại) |
|---|---|---|---|---|
| **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **72.219.646.896** | **99.713.092.163** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **5** | **1.216.065.306** | **29.391.534.606** |
| 1. Tiền | 111 | | 1.216.065.306 | 29.391.534.606 |
| **II. Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | **6** | **56.727.852.744** | **60.843.875.892** |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 15.121.466.438 | 34.410.780.000 |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn | 123 | | 41.606.386.306 | 26.433.095.892 |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **14.154.720.014** | **9.427.181.103** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 5.605.600.000 | - |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 480.000.000 | - |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 135 | 8 | 8.069.120.014 | 9.427.181.103 |
| **IV. Tài sản ngắn hạn khác** | **160** | | **121.008.832** | **50.500.562** |
| 1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn | 161 | | 10.738.895 | 9.701.161 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 162 | | 110.269.937 | 40.799.401 |
| **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **343.646.556.109** | **386.780.939.288** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **27.825.000.000** | - |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 215 | 8 | 27.825.000.000 | - |
| **II. Đầu tư tài chính dài hạn** | **260** | 6 | **315.821.556.109** | **386.772.440.581** |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 261 | | 224.500.000.000 | 334.500.000.000 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 263 | | 92.730.000.000 | 59.000.000.000 |
| 3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn | 264 | | (1.408.443.891) | (6.727.559.419) |
| **III. Tài sản dài hạn khác** | **270** | | - | **8.498.707** |
| 1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn | 271 | | - | 8.498.707 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)** | **280** | | **415.866.203.005** | **486.494.031.451** |

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026*

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm (Trình bày lại) |
|---|---|---|---|---|
| **C. NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **15.983.410.257** | **92.687.381.044** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **15.983.410.257** | **92.687.381.044** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 9 | 261.201.434 | 123.761.783 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn | 314 | 10 | 1.138.420.053 | 135.429.553 |
| 3. Phải trả người lao động | 315 | | 105.115.685 | 58.807.200 |
| 4. Phải trả ngắn hạn khác | 320 | 11 | 1.920.003 | 83.475.000.000 |
| 5. Vay ngắn hạn | 321 | 12 | 5.582.370.574 | - |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 8.894.382.508 | 8.894.382.508 |
| **D. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | **13** | **399.882.792.748** | **393.806.650.407** |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 385.673.630.000 | 385.673.630.000 |
| *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *385.673.630.000* | *385.673.630.000* |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 4.447.191.254 | 4.447.191.254 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 9.761.971.494 | 3.685.829.153 |
| *- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước* | *420a* | | *3.685.829.153* | *3.178.181.000* |
| *- LNST chưa phân phối kỳ này* | *420b* | | *6.076.142.341* | *507.648.153* |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)** | **440** | | **415.866.203.005** | **486.494.031.451** |

| | | |
|---|---|---|
| **Phạm Văn Luận** | **Phạm Văn Hiệp** | **Phạm Văn Hiệp** |
| Tổng Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập biểu |

*Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

*Quý 3 năm 2026*

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý 3/2026 | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | | **-** | **10.068.905.600** | **-** | **38.376.026.400** |
| **2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)** | **10** | | **-** | **10.068.905.600** | **-** | **38.376.026.400** |
| 3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 11 | | - | 10.075.258.321 | - | 38.277.537.563 |
| **4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)** | **20** | | **-** | **(6.352.721)** | **-** | **98.488.837** |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 22 | 14 | 405.171.915 | 32.864.272.033 | 12.279.286.833 | 34.665.019.045 |
| 6. Chi phí tài chính | 23 | 15 | 3.647.811.135 | (8.643.310.425) | 2.767.875.545 | (473.295.329) |
| *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | *24* | | *23.848.058* | - | *23.848.058* | - |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 16 | 840.169.464 | 655.720.646 | 1.482.741.305 | 1.880.591.093 |
| **8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 22 - 23 - 26)** | **30** | | **(4.082.808.684)** | **40.845.509.091** | **8.028.669.983** | **33.356.212.118** |
| 9. Thu nhập khác | 31 | | - | 2.079.590.598 | - | 2.079.590.598 |
| 10. Chi phí khác | 32 | | 3.521.478 | 2.306.029.115 | 420.896.478 | 2.313.304.788 |
| **11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)** | **40** | | **(3.521.478)** | **(226.438.517)** | **(420.896.478)** | **(233.714.190)** |
| **12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)** | **50** | | **(4.086.330.162)** | **40.619.070.574** | **7.607.773.505** | **33.122.497.928** |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 17 | (809.204.862) | 2.565.771.082 | 1.531.631.164 | 2.565.771.082 |
| **14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)** | **60** | | **(3.277.125.300)** | **38.053.299.492** | **6.076.142.341** | **30.556.726.846** |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC HELIOS
HELIOS
M.S.D.N:5500512492

| | | |
|---|---|---|
| **Phạm Văn Luận** | **Phạm Văn Hiệp** | **Phạm Văn Hiệp** |
| Tổng Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập biểu |

*Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Quý 3 năm 2026*

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý | |
|---|---|---|---|
| | | Năm nay | Năm trước |
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | |
| ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | **7.607.773.505** | **33.122.497.928** |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | - | 678.629.368 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (5.319.115.528) | (524.340.190) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính | 05 | (8.882.536.195) | (34.673.523.765) |
| ***2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | ***(6.593.878.218)*** | ***(1.396.736.659)*** |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (48.526.685.187) | (116.849.316.238) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (83.279.584.142) | 5.732.001.674 |
| - Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ | 12 | 7.460.973 | 2.343.640.555 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | 19.289.313.562 | (56.133.241.173) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (538.388.383) | (159.775.437) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | ***(119.641.761.395)*** | ***(166.463.427.278)*** |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | - | 9.775.000.000 |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (32.630.000.000) | (26.000.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 52.210.000.000 |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 116.523.000.000 | 53.000.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.990.921.521 | 2.258.134.263 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | ***85.883.921.521*** | ***91.243.134.263*** |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 30.946.313.067 | - |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (25.363.942.493) | - |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | ***5.582.370.574*** | - |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)** | **50** | **(28.175.469.300)** | **(75.220.293.015)** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **29.391.534.606** | **78.826.607.700** |
| **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)** | **70** | **1.216.065.306** | **3.606.314.685** |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC HELIOS
HELIOS
M.S.D.N:5500512492

| | | |
|---|---|---|
| **Phạm Văn Luận** | **Phạm Văn Hiệp** | **Phạm Văn Hiệp** |
| Tổng Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập biểu |

*Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Helios trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500512492, ngày 06 tháng 01 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 25 tháng 09 năm 2026 do Sở Tài chính Tp. Hà Nội cấp.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500512492 thay đổi lần 21 ngày 25 tháng 09 năm 2026, Công ty thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà thành Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Helios.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 là 05 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 07 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Loại trừ bán buôn các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất pin và ắc quy;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất bia

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty trong thời gian không quá 12 tháng.

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

**Cấu trúc doanh nghiệp**

***Danh sách các Công ty con:***

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà | Hà Nội | 98,00% | 98,00% | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán lẻ thuốc và các dụng cụ y tế |
| Công ty Cổ phần Green Energy and Environment (i) | Thanh Hoá | 100% | 100% | Bán buôn nông, lâm sản |
| Công ty Cổ phần Cường sinh Yên Châu | Sơn La | 98,14% | 98,14% | Sản xuất, thương mại |
| Công ty Cổ phần Milli Land | Khánh Hòa | 90% | 90% | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng | Vĩnh Long | 95% | 95% | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê |

(i) Theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐQT/HSL ngày 24/04/2026 về việc thoái vốn Công ty con là Công ty Cổ phần Green Energy and Environment có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802565368 cấp ngày 02/10/2025. Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện thoái vốn với mục đích là cơ cấu lại danh mục đầu tư. Tỷ lệ sau khi thực hiện thoái vốn là 01% tương đương 110.000 cổ phần.

***Đơn vị trực thuộc:***

| Tên | Địa chỉ | Hình thức hạch toán | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|---|---|
| Địa điểm kinh doanh tỉnh Hậu Giang – Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Helios | Tp. Cần Thơ | Phụ thuộc | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nữa) và động vật sống |
| Chi nhánh Nhà máy sản xuất – Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Helios | Sơn La | Độc lập | Sản xuất, thương mại các sản phẩm liên quan nông nghiệp |

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2026/NQ-HĐQT/HSL ngày 26/05/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển thực phẩm Hồng Hà về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thực phẩm Hồng Hà.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỲ KẾ TOÁN

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất, theo đó để có thông tin đầy đủ thì người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho Quý 3 năm 2026.

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho kỳ kế toán bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho Quý 3 năm 2026.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*

*b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp Theo)

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (nếu có).

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp Theo)

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và các khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Công ty không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi công ty nhận vốn góp đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Chi phí chờ phân bổ**

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm:

*Công cụ, dụng cụ*: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Tài sản thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm khấu hao |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 |
| Máy móc, thiết bị | 03 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 – 15 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |

**Phải trả người bán**

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

**Phải trả cổ tức, lợi nhuận**

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

**Vốn chủ sở hữu**

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

### Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

### Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

**Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng.

**Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

## 5. TIỀN

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.078.546.598 | 1.398.674.549 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 137.518.708 | 27.992.860.057 |
| *- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam* | *59.979.413* | *27.911.941.992* |
| *- Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS* | *71.683.076* | - |
| *- Các ngân hàng khác* | *5.856.219* | *80.918.065* |
| **Cộng** | **1.216.065.306** | **29.391.534.606** |

## 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

**Đầu tư tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm (Trình bày lại) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **a. Chứng khoán kinh doanh** | **15.121.466.438** | **15.860.000.000** | - | **34.410.780.000** | **33.646.068.000** | - |
| Cổ phiếu | | | | | | |
| *- Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt (AVG)* | - | - | - | *12.420.408.000* | *12.420.408.000* | - |
| *- Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT (TNT)* | *15.121.466.438* | *15.860.000.000* | - | *21.990.372.000* | *21.225.660.000* | - |
| **b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn** | **41.606.386.306** | **41.606.386.306** | - | **26.433.095.892** | **26.433.095.892** | - |
| Cho vay: | | | | | | |
| *- Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà - Gốc vay (i)* | *26.000.000.000* | *26.000.000.000* | - | *26.000.000.000* | *26.000.000.000* | - |
| *- Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà - Lãi dự thu* | *1.055.386.306* | *1.055.386.306* | - | *433.095.892* | *433.095.892* | - |
| *- (Bà) Phạm Thiên Trang - Gốc vay (ii)* | *14.551.000.000* | *14.551.000.000* | - | - | - | - |
| **Cộng** | **56.727.852.744** | **57.466.386.306** | - | **60.843.875.892** | **60.079.163.892** | - |

i. Là khoản cho vay Công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà theo Hợp đồng cho vay tiền số 062025/HSL-HH ngày 25 tháng 06 năm 2025 và Phụ lục gia hạn. Số tiền cho vay 26.000.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 3,2%/năm tính từ ngày 26 tháng 06 năm 2025.

ii. Khoản cho (Bà) Phạm Thiên Trang vay với thời hạn 12 tháng, lãi suất 12%/năm và không có tài sản đảm bảo.

## 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

**Đầu tư tài chính dài hạn**

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **c. Đầu tư vào công ty con** | **224.500.000.000** | | **(1.408.443.891)** | **334.500.000.000** | | **(6.727.559.419)** |
| - Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà (i) | 98.000.000.000 | (*) | - | 98.000.000.000 | (*) | - |
| - Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu (ii) | 53.000.000.000 | (*) | - | 53.000.000.000 | (*) | (6.727.559.419) |
| - Công ty Cổ phần Milli Land (iii) | 45.000.000.000 | (*) | (1.111.597.769) | 45.000.000.000 | (*) | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng (iv) | 28.500.000.000 | (*) | (296.846.122) | 28.500.000.000 | (*) | - |
| - Công ty Cổ phần Green Energy & Environment (v) | - | - | - | 110.000.000.000 | (*) | - |
| **d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** | **92.730.000.000** | **91.630.000.000** | **-** | **59.000.000.000** | **59.000.000.000** | **-** |
| - Công ty Cổ phần Green Energy & Environment (v) | 1.100.000.000 | (*) | - | - | - | - |
| - Công ty Cổ phần Minh Ngọc - Hợp tác đầu tư (vi) | 59.000.000.000 | 59.000.000.000 | - | 59.000.000.000 | 59.000.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Ocean Gate Capital - Hợp tác kinh doanh (vii) | 32.630.000.000 | 32.630.000.000 | - | - | - | - |
| **Cộng** | **317.230.000.000** | **91.630.000.000** | **(1.408.443.891)** | **393.500.000.000** | **59.000.000.000** | **(6.727.559.419)** |

i. Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109011426 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 12 năm 2019 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 31 tháng 07 năm 2025. Vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà là 98.000.000.000 VND chiếm 98,00% Vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Hồng Hà chưa phát sinh doanh thu liên quan đến hoạt động chính. Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2026, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

ii. Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500533862 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2016 và được thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 10 năm 2025. Vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu là 53.000.000.000 VND chiếm 98,14% Vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu chưa phát sinh doanh thu liên quan đến hoạt động chính. Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2026, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

## 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

iii. Công ty Cổ phần Milli Land thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4202035933 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 08 năm 2025. Vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Mili Land là 45.000.000.000 VND chiếm 90,00% Vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Mili Land phát sinh doanh thu liên quan đến hoạt động chính. Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2026, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

iv. Công ty Cổ phần Đầu tư Nông Nghiệp Bình Thắng thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 130115405 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2025 và lần đầu thay đổi ngày 05 tháng 06 năm 2026. Vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nông Nghiệp Bình Thắng là 28.500.000.000 VND chiếm 95,00% Vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư Nông Nghiệp Bình Thắng chưa phát sinh doanh thu liên quan đến hoạt động chính. Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2026, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

v. Theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐQT/HSL ngày 24 tháng 04 năm 2026 về việc thoái vốn Công ty con là Công ty Cổ phần Green Energy and Enviroment có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802565368 cấp ngày 02 tháng 10 năm 2025. Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện thoái vốn với mục đích là cơ cấu lại danh mục đầu tư. Tỷ lệ sau khi thực hiện thoái vốn là 01% tương đương 110.000 cổ phần.

vi. Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 16 tháng 06 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà và Công ty Cổ phần Minh Ngọc về việc góp vốn thực hiện dự án "Khu nhà ở Minh Ngọc". Theo đó, Công ty đầu tư 59 tỷ VND (nắm mức lợi ích tỷ đồng) vào dự án. Lợi nhuận từ việc khai thác, mở bán, giao dịch các sản phẩm bất động sản theo phụ lục hợp đồng bao gồm (59 thửa đất tổng diện tích 4.039,7 m²) sẽ được hai bên thống nhất phân chia theo tỷ lệ mỗi bên 50%, lợi nhuận được tính sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan. Tiền vốn đầu tư sẽ được Công ty Cổ phần Minh Ngọc hoàn trả cho Công ty căn cứ theo số diện tích đất của Dự án đã bán ra trong năm quyết toán. Tiền vốn đầu tư được hoàn trả cùng với phần chia lợi nhuận được chia. Đến nay chưa thực hiện hoàn vốn và phần chia lợi nhuận nguyên nhân do Chủ đầu tư vẫn chưa xuất trình được Văn bản/Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hạ tầng kỹ thuật từ cơ quan quản lý nhà nước (Sở Xây dựng Bình Dương). Chưa thể sang tên quyền sử dụng đất cho Cư dân.

vii. Là khoản tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2026/HĐHTĐTTSL-OGC ngày 23 tháng 06 năm 2026 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Ocean Gate Capital với mục đích hợp tác để cùng đầu tư phát triển các dự án liên quan đến lĩnh vực y tế, cụ thể là nhận chuyển nhượng lại Bệnh viện, cơ sở y tế là bệnh viện tư mua lại cổ phần, phần vốn góp của Công ty đang sở hữu Bệnh viện cơ sở y tế, và/hoặc Công ty Cổ phần Ocean Gate Capital tự phát triển Dự án Bệnh viện, cơ sở y tế để hai bên cùng đầu tư, quản lý và khai thác có hiệu quả. Thời gian hợp tác 5 năm kể từ ngày Hợp đồng. Tổng vốn đầu tư dự án ban đầu dự kiến là 65.260.000.000 VND, Công ty đồng ý góp 50% Tổng Vốn đầu tư. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo tỷ lệ sở hữu của từng bên sau khi đã trừ các chi phí hợp lý. Tiền vốn đầu tư sẽ được tính vào giá trị đầu tư của Công ty trong Công ty/Dự án mà hai bên thống nhất đầu tư. Hàng năm hai bên tiến hành quyết toán các chi phí và phân chia lợi nhuận cho đến khi hoàn tất việc hợp tác.

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản đầu tư vào công ty con và đơn vị khác chưa xác định giá trị hợp lý do không có giá niêm yết trên thị trường của cổ phiếu đầu tư và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị dự phòng | Giá trị ghi sổ | Giá trị dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng - Giao dịch bán chứng khoán | 5.605.600.000 | - | - | - |
| **Cộng** | **5.605.600.000** | **-** | **-** | **-** |

## 8. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm (Trình bày lại) | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị dự phòng | Giá trị ghi sổ | Giá trị dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| ***a) Ngắn hạn*** | ***8.069.120.014*** | - | ***9.427.181.103*** | - |
| (Bà) Lê Bùi Hồng Ngọc (i) | 3.468.084.451 | - | 5.138.714.384 | - |
| (Bà) Bùi Thị Thùy Linh (ii) | 4.601.035.563 | - | 4.284.081.370 | - |
| Các khoản khác | - | - | 4.385.349 | - |
| ***b) Dài hạn*** | ***27.825.000.000*** | - | - | - |
| (Ông) Phạm Văn Luận (iii) | 27.825.000.000 | - | - | - |
| **Cộng** | **35.894.120.014** | **-** | **9.427.181.103** | **-** |

i. Là khoản tiền bà Lê Bùi Hồng Ngọc phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà theo biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-03/2025/HĐHTĐT-BBTL ngày 11 tháng 12 năm 2025. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc đánh giá khoản công nợ này có khả năng thu hồi đầy đủ.

ii. Là khoản tiền bà Bùi Thị Thùy Linh phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà theo biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2025/HĐHTĐT-BBTL ngày 12 tháng 12 năm 2025. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc đánh giá khoản công nợ này có khả năng thu hồi đầy đủ.

iii. Khoản tạm ứng cho ông Phạm Văn Luận theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 02/2026/NQ-HĐQT/HSL Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà ngày 05 tháng 01 năm 2026 để triển khai và giao việc cho Tổng Giám đốc khảo sát, đầu tư: Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đắk Lắk, An Giang, Vĩnh Long và các địa phương khác phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Mục tiêu đầu tư: Hình thành quỹ đất phục vụ phát triển vùng nguyên liệu, sản xuất nông nghiệp và đầu tư dài hạn với tổng hạn mức đầu tư: 27.825.000.000 VND. Thời gian thực hiện đến hết năm 2027.

## 9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt | 79.200.000 | - |
| Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Quốc tế | 69.600.000 | 60.000.000 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần In Hospitality | 61.089.651 | - |
| Công ty TNHH HT Brothers Việt Nam | 51.261.783 | 51.261.783 |
| Các đối tượng khác | 50.000 | 12.500.000 |
| **Cộng** | **261.201.434** | **123.761.783** |

## 10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế thu nhập cá nhân | 4.611.881 | 24.879.281 | 15.131.562 | 14.359.600 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 130.817.672 | 1.531.631.164 | 538.388.383 | 1.124.060.453 |
| **Cộng** | **135.429.553** | **1.556.510.445** | **553.519.945** | **1.138.420.053** |

## 11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | **VND** | **VND** |
| Lương Thị Huyền | - | 33.750.000.000 |
| Đồng Văn Quang | - | 49.500.000.000 |
| Đỗ Thị Duyên | - | 225.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | 1.920.003 | - |
| **Cộng** | **1.920.003** | **83.475.000.000** |

## 12. VAY NGẮN HẠN

| | Số cuối kỳ | Phát sinh trong kỳ | | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (i) | 5.582.370.574 | 9.011.617.705 | 3.429.247.131 | - |
| **Cộng** | **5.582.370.574** | **9.011.617.705** | **3.429.247.131** | **-** |

i. Là số tiền Công ty chủ động thực hiện ứng trước từ các Công ty Chứng khoán ngay sau khi khớp lệnh bán cổ phiếu của Công ty, nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động tạm thời trước khi tiền thanh toán bù trừ chính thức về tài khoản (chu kỳ T+2).

## 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

***Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu***

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối luỹ kế | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **Số dư đầu năm trước** | **385.673.630.000** | **4.447.191.254** | **3.586.181.000** | **393.707.002.254** |
| Lãi trong năm trước | - | - | 507.648.153 | 507.648.153 |
| Trả thù lao HĐQT, BKS | - | - | (408.000.000) | (408.000.000) |
| **Số dư đầu năm nay** | **385.673.630.000** | **4.447.191.254** | **3.685.829.153** | **393.806.650.407** |
| Lãi trong kỳ | - | - | 6.076.142.341 | 6.076.142.341 |
| **Số dư cuối kỳ** | **385.673.630.000** | **4.447.191.254** | **9.761.971.494** | **399.882.792.748** |

***Vốn điều lệ***

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 21 ngày 25 tháng 09 năm 2026, Vốn điều lệ của Công ty là 385.673.630.000 VND, tương đương 38.567.363 cổ phần.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, chi tiết Vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ |
| | Cổ phiếu | % | Cổ phiếu | % |
| (Ông) Đỗ Hà Anh | 2.373.500 | 6,15% | 2.373.500 | 6,15% |
| (Ông) Lê Văn Đức | 1.199.000 | 3,11% | 1.199.000 | 3,11% |
| Các cổ đông khác | 34.994.863 | 90,74% | 34.994.863 | 90,74% |
| **Tổng cộng** | **38.567.363** | **100%** | **38.567.363** | **100%** |

***Cổ phiếu***

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | **38.567.363** | **38.567.363** |
| *- Cổ phiếu phổ thông* | *38.567.363* | *38.567.363* |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | **38.567.363** | **38.567.363** |
| *- Cổ phiếu phổ thông* | *38.567.363* | *38.567.363* |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | **38.567.363** | **38.567.363** |
| *- Cổ phiếu phổ thông* | *38.567.363* | *38.567.363* |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

## 14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.259.536.195 | 2.119.183.167 |
| Lãi đầu tư chứng khoán | 3.396.750.638 | 2.070.835.878 |
| Lãi chuyển nhượng Công ty con | 7.623.000.000 | 30.475.000.000 |
| **Cộng** | **12.279.286.833** | **34.665.019.045** |

## 15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) đầu tư vào Công ty con | (5.319.115.528) | (524.340.190) |
| Lỗ đầu tư chứng khoán | 8.024.236.000 | - |
| Chi phí tài chính khác | 62.755.073 | 51.044.861 |
| **Cộng** | **2.767.875.545** | **(473.295.329)** |

## 16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 611.825.740 | 560.012.698 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | - | 386.443.195 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 852.656.989 | 807.830.036 |
| Các khoản chi phí QLDN khác | 18.258.576 | 126.305.164 |
| **Cộng** | **1.482.741.305** | **1.880.591.093** |

## 17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ | 1.531.631.164 | 2.565.771.082 |

## 18. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ bao gồm 1.990.000.000 VND là khoản tiền lãi phát sinh trong năm trước thu được trong kỳ này, nhưng không bao gồm 1.258.614.674 VND là số tiền lãi phát sinh kỳ này chưa thu tiền. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

## 19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư 99. Theo đó, một số số liệu đầu năm đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

| | Mã số | Số đã báo cáo | Trình bày lại | Số sau trình bày lại |
|---|---|---|---|---|
| | | VND | VND | VND |
| **Báo cáo tình hình tài chính riêng** | | | | |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn | 123 | - | 26.433.095.892 | 26.433.095.892 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 135 | 9.860.276.995 | (433.095.892) | 9.427.181.103 |
| Phải thu dài hạn khác | 215 | 59.000.000.000 | (59.000.000.000) | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 263 | - | 59.000.000.000 | 59.000.000.000 |

| | | |
|---|---|---|
| **Phạm Văn Luận** | **Phạm Văn Hiệp** | **Phạm Văn Hiệp** |
| Tổng Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập biểu |

*Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*